

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 9

PHẦN HẠ

Tiếp, “Nêu ứng thân” lại có bốn:

- 1) Chánh giải thích.
- 2) Dẫn chứng.
- 3) Nêu ứng tướng.
- 4) Dẫn luận đồng.

Văn đầu trước nêu nguyên do ứng. Do trí xứng cảnh chỉ năng thuyết thân, thuyết tức ứng. Tự báo không thuyết cho nên nói do cảnh như như trí hiệp; chỉ nói do như không nói pháp như: Pháp đã thuộc nơi cảnh trí, dùng cảnh trí đây năng khởi ứng. Nên dùng giải thuộc trí biệt đối báo thân. Ứng chẳng vô trí lại để xứng cơ dùng dựa theo để nói. Cho nên tha thọ dụng cũng được gọi là Báo, cũng được gọi là Ứng, hoặc thặng hoặc liệt đều gọi là Ứng. Cho nên, biết Đại sư khéo dùng luận văn vi diệu đến nơi đây.

Tiếp, “Dịch danh” trong đó đầy đủ ba thân: Cận đại phiên dịch pháp báo không, phân ba, hai chẳng biện rõ. Tự xưa kinh luận chấp nhận có ba thân. Nếu nói Tỳ-lô cùng Xá-na không riêng biệt thì Pháp thân tức là Báo thân. Hoặc tức là: Hết thấy chúng sinh đều viên mãn, nếu pháp thân có thì nói chúng sinh cũng như vậy. Nếu quả mãn mới nói thì từ báo lập, hoặc nói không thì lìa ba thân đều như vậy, đâu riêng gì pháp, báo. Chúng sinh Phật không hai đầu chỉ ba thân, cho nên còn ba thân, pháp nhất định không nói, Báo thông hai nghĩ ứng hóa nhất định nói. Nếu kia tương tức đều nói, đều không nói, hoặc chỉ từ lý phi thuyết, phi bất thuyết, sự lý tương đối không nói tức nói, tức nói là không nói, tình thông diệu kế hợp tranh chấp đều lỗi. “Ốc tiêu”: Là trong phẩm Danh Hiệu của kinh Hoa Nghiêm và trong Thập Trú Bà-sa liệt kể. Đại hải có đá tên gọi là tiêu, vụn dòng tưới đến thạch đều hút cạn, do đó nước đại hải không tăng trưởng chúng sinh lưu chuyển cũng

như tiêu thạch, ngũ dục tươi thắm mà không nhàm đủ chỉ có Phật mới năng độ cho nên nói vậy.

Hai thân trước gọi là nhất thiết thường định, cho nên ứng thân danh mười phương đều có không thể nói cội Phật vì trần danh hiệu, cho nên trong phẩm kia Tân kinh nói Thích-ca Như Lai cũng gọi là Tỳ-lô- giá-na. Cựu kinh nói cũng gọi là Xá-na, ý cựu Kinh nói tên khác của ứng thân, cho nên tổng hai kinh kia nêu ba tên đầy đủ thể kia vốn một. Chỉ có ý của Tân kinh dùng Tỳ-lô làm Xá-na, Cựu kinh thẳng nêu Tha thọ dụng báo, nghĩa lại đâu có lỗi.

Ba dung thông trong đó có bốn:

- 1) Lược chỉ ý.
- 2) Dẫn giáo.
- 3) Tu tánh.
- 4) Dẫn luận. Đầu như văn.

Dẫn trong giáo có ba:

- 1) Dẫn kinh.
- 2) Tổng kết.

3) Vấn đáp giải thích ngăn ngại. Dẫn kinh có hai: Dẫn Đại kinh, ý nêu ba đức chỉ là ba thân. Ba thân đầy đủ như các văn giải thích. “Dẫn Phạm võng... ba kết Kinh”: Do nghĩa đại ý chỉ dùng ba kinh đồng mà ý nghĩa toát yếu. Như trong kinh Hoa Nghiêm mười phương đài lá xen lẫn, làm chủ bạn, thì kinh Phạm Võng đây chỉ một đài lá, cho nên Thiên Thai Giới sơ phán nói: Đài và lá hoa bản tích sai khác. Sở dĩ đài hoa lá hoa bản tích nhất định, là vì bị duyên tuy biệt mà đạo lý thường đồng, sở kết đã đồng năng kết đâu sai khác. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi ý cũng đồng với sở kết. Kinh Phổ Hiền Quán nói căn cứ trên có thể biết, kết cùng giải thích ngăn ngại văn tương có thể biết. “Nếu chỉ...”: căn cứ tu tánh dọc ngang (tung hoành) không dọc không ngang để phân phán riêng biệt tức là căn cứ giáo, trong đó trước Biệt, tiếp Viên, sau dùng Tạng, Thông ví dụ. Nói “tu dọc tánh ngang”: Chẳng phải viên diệu, tên tánh đức gọi là Thông Biệt giáo, Biệt giáo tuy có nói tánh đức, cả ba đều tại tánh mà không dung thông lẫn nhau cho nên thành biệt nghĩa. Nếu ba đều tại tu trước sau mà đặc đạo lý thành dọc đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba ghi. Cho nên biết kinh này không nói ngang dọc, hoặc tánh hoặc tu cả ba đều viên diệu v.v...

“Lại Pháp Hoa...”: là nêu Bản tích, trước chánh chỉ bày đồng, khác. Trước lúc ấy chẳng phải không nêu Viên ba Đức Phật, mà chỉ vì cùng Pháp Hoa tích môn nghĩa đồng, chẳng phải phẩm này nêu ba Như

Lại, cho nên có vĩnh viễn sai khác.

Hỏi: Trong luận chỉ báo làm cữu viễn, nên chỉ Già-da pháp chẳng phải xưa nay vì sao ba Đức Phật đều chỉ nơi bản xứ?

Đáp: Luận tuy xen lẫn chỉ về lý chắc chắn đều thông suốt, đâu phải xưa có Báo mà không có hai thân kia, đâu chỉ nay Ứng mà không có Pháp Báo, vì trung gian ngày nay đều đủ ba thân, chỉ tự thực thành đối với trung gian ngày nay, mà có sở hiện thân xứ ; thông thuộc Ứng hóa cho nên lại đối để nói.

Lại nữa, Pháp thân tuy tức mà không tương đương xưa nay vì căn cứ tu, tương vọng trở lại phân cận viễn. Dưới giải thích thọ lượng có thể căn cứ đây mà biết. Cho nên ngày nay trung gian mỗi một tiết đầy đủ ba. “Tiếp, dẫn luận”: như văn.

Tiếp, giải thích hai chữ Thọ Lượng, tức thọ lượng ba Như Lai trước nói, nên giải thích trong thọ lượng đều đầy đủ ba nghĩa. Trong đó

1) Lực giải thích thọ.

2) Rộng giải thích lượng, đây là lượng của thọ gia, cho nên rộng giải thích “lượng”, tức là rộng giải thích “thọ”.

Đầu, trong giải thích thọ, trước giải thích nghĩa chữ. Tiếp, “Chân như...”: tức dùng nghĩa chữ mà thông ba thân. Tiếp, giải thích chữ “lượng”, trong đó chia làm bảy:

1) Nêu nghĩa thông tùy ba Như Lai tự không có nhất định để thành ba câu dùng giải thích ba thân.

2) “Lại nữa...”: lại chuyên dùng bốn câu hiểu rõ ba thân trước.

3) “Một thân tức là...”: dung thông ba thân.

4) “Tùy duyên...”: phó cơ bất định.

5) “Phẩm này...”: căn cứ thân để phán định.

6) “Lại nữa...”: phán định nơi bản tích.

7) Vấn đáp giải thích nghi.

I. Đầu tiên lập ba câu tức là thọ lượng hai, ba Như Lai nói, trước thì đã chỉ khai hợp sai khác, nay chỉ tùy theo ba làm thuận tiện, trong đó có ba phần:

1) Giải thích chữ.

2) Đối thân.

3) Lập câu.

II. “Tiếp, Pháp thân...”: tức dùng ba câu giải thích ba thân: Pháp thân nói đầu tiên chia làm bốn:

1) Lực nêu.

2) “Có Phật...”: là giải thích nêu lý do.

3) “Văn nói...”: là dẫn chứng.

4) “Bởi là...”: là kết ý về. Đầu, như văn. Tiếp, giải thích lý do trong đó lại có hai: Đầu chánh nêu nguyên do pháp thân, sau: “Không luận...”: là phân biệt hai thân sai khác, lại có hai: Trước nói thân, sau nói thọ. Đầu phân biệt thân: Bất luận tương ứng phân chọn chẳng phải báo thân cùng không tương tục, mà chọn lựa chẳng phải ứng thân. Chữ “cùng” để dẫn câu dưới, hai chữ “bất luận” xuyên suốt hai câu dưới. Tiếp, chọn lựa trong thọ cũng không có lượng, chọn lựa chẳng phải ứng thọ và vô lượng, chọn lựa chẳng phải thọ của báo thân. Hai chữ “cũng không” xuyên suốt hai câu dưới, cho nên dùng chữ và để dẫn câu. Kinh Hoa Nghiêm nói: Pháp giới phi hữu lượng cũng phi vô lượng, Đức Mâu-ni đã siêu vượt hữu lượng và vô lượng. Kinh kia chỉ trong Tích, căn cứ thể dụng luận, thể ất song phi tích năng song dụng. Đây chính là căn cứ dụng làm rõ thể, cho nên nói “siêu việt”. Nếu thẳng dẫn đây để chứng cứu bản bởi chưa có thể. Do kia không nói đã thành thọ. “Văn nói...”: là dẫn chứng: hai câu đều song phi báo ứng, thuyên lượng báo thân trong đó cũng có bốn:

1) Nêu lên.

2) “Dùng Như như...” là chánh giải thích.

3) “Văn nói...”: dẫn chứng.

4) “Đây là...”: kết.

Trong chánh giải thích có hai phần:

1) Chánh giải thích.

2) “Cảnh đã...”: giải thích lý do vượt ngoài.

Trong phần chánh giải thích có hai: Trước chánh nêu, trí khế hợp cảnh cho nên có báo thân. “Cảnh phát...” mượn nghĩa giải thích danh, do ngầm (minh) cho nên phát, phát mở gọi là báo vậy nên có được nghĩa thọ khó lường. Tiếp trong lý do có hai: Pháp, và thí dụ. Cảnh như hộp, trí như nắp, do tương xứng cho nên có công dụng hàm tàng, vật có trong kho mới có thể bên ngoài nhờ cậy.

Dẫn văn: Câu đầu chứng thể báo thân, câu tiếp chứng nhân báo thân, câu tiếp chứng dụng báo thân, câu tiếp chứng lực báo thân.

Tiếp thuyên lượng Ứng thân trong đó có bốn:

1) Lược nêu.

2) “Ứng thân...”: là giải thích nguyên do.

3) “Văn nói...”: là dẫn chứng.

4) “Đây là...”: kết.

Tiếp, nguyên do trong đó có ba:

1) Nêu công năng.

2) “Duyên trường...”: ứng dụng.

3) “Vân vân...”: nêu ứng tức thể. Trong dẫn chứng hai câu đầu chứng tướng ứng thân. Hai câu tiếp chứng dụng ứng thân. “Lại nữa...”: căn cứ bốn câu, có hai: Đầu tiên, chánh giải thích bốn câu. Tiếp, “Bốn câu...”: bốn câu tổng quát. Trong phần chánh giải thích có hai: Trước, chánh giải thích. Tiếp, tổng phá xư. Chánh giải thích: Y thân thứ lớp không y câu thứ lớp, cho nên đầu Pháp thân là câu thứ tư, Báo thân tức câu thứ hai, do trước Kim Cang nên chưa gọi là báo, tức câu thứ nhất là hữu lượng mà chưa gọi là Phật. Vả lại, nói vô thường, kỳ thật lại phải phân biệt đồng khác, Kim Cang đến phạm mỗi một tiết sai khác, ứng thân tức câu thứ ba. Nói “cách thông”: Là muốn dùng bốn câu thấu tóm tất cả, cho nên dùng câu thứ nhất từ Kim Cang đến. Thông đến phạm phu, cho nên nói chẳng phải đức Phật thấu nhiếp bao quát rộng rãi, huống chi phạm phu cũng được lấy làm bản ba thân, cho nên nhập câu đầu. Tiếp, “Phá xư nói hai thứ hủy báng”: Trong phẩm nêu rõ thường không dùng thường giải gọi là hủy báng làm nghĩa giảm, không có vô thường dùng vô thường giải thích, gọi là hủy báng làm tăng.

Tiếp bốn câu tổng quát có hai: Đầu tiên, kết trước, sinh sau. Tiếp, chánh giải thích. Trong đó văn tự phân làm hai: Đầu tiên nói biệt: Ba thân biệt giải thích, phân câu thuộc nhân, sở thuộc từng bậc nhất định. Giải thích trong báo thân trước định câu, tiếp giải thích nghi, trong đó trước nêu pháp báo nghĩa đồng câu thứ tư. Tiếp “Chỉ lấy...”: nêu ý đối câu. “Phạm phu chung...”: Nay văn giải thích Phật chỉ ngoài ba thân đều thuộc phạm thân cho nên văn còn dùng trước Kim Cang, không thuộc ba thân đều nhập phạm theo lệ. Nói “Biệt giáo”: Ba thân biệt riêng biệt đều đối câu cho nên gọi là “tướng Biệt giáo phân biệt”. “Tiếp, theo cách thông...”: là Thông giải thích, đều đầy đủ bốn câu: ba thân xen lẫn cho nên nói Viên giải thích, ba thân đều có bốn cho nên nói cách thông. Trong đó đầu tiên thông nêu lên. Tiếp mỗi mỗi thông giải thích. Đầu, Pháp thân trong bốn câu nói song phá bát đảo của phạm Thánh. Phạm bốn Thánh bốn, lý tùy vận dụng thường song phá, nhưng cũng cần phân biệt thể trạng của bát đảo, như trước trong Thập bát Không đã nói. Câu thứ ba nói vô thường: Là không có Thường kia. Câu thứ tư: chỉ tịch làm pháp thân, cũng mà cũng chiếu. Tiếp báo thân trong bốn câu đều phải căn cứ trí. Đầu song phi: Cảnh đã song phi trí ắt xứng cảnh. Trong câu thứ hai nói vượt quá nhị thừa, Tiểu trí chỉ có chấp vô thường.

Hỏi: Trong đây song chiếu và trước có gì sai biệt?

Đáp: Trước dùng tịch tức pháp thân, tịch mà thường chiếu. Trong đây căn cứ trí song chiếu cho nên được gọi là biệt.

Hỏi: Pháp thân là cảnh, cảnh làm sao năng chiếu?

Đáp: Tướng chiếu bốn câu nói đầy đủ trong Huyền Văn. Phi bát thân trong ứng thân bốn cho nên phi thường phi sinh tử cho nên phi vô thường. Cả hai tồn tại thì đủ hai ý trước. Phàm phu bốn câu, trong đó trước nêu nguyên do dụng câu. Nay nêu Như Lai sao được thông phàm. Vì cả thấy bốn câu đã một có một câu đối phàm. Nay đã thông giải thích đối với Phật chẳng phải là không có, hướng chi tánh đức ba thân đầy đủ các câu. Nói “tánh đức không có danh tự”: Chưa có tu nên nêu rõ không có quả Phật bốn câu, chỉ căn cứ lý ba tánh đức để lập bốn câu.

III. Dung thông... một thân tức ba, không đồng nơi khác giải thích ba thân cố định chấp, cho nên thân câu đều xen lẫn thông, danh thông nghĩa thông lý thông pháp thông, thông mà hằng biệt, mới giải thích được sự ngăn ngại.

IV. Tùy duyên có ba:

1) Nêu tướng.

2) Dẫn kinh.

3) “Sở dĩ...”: giải thích nêu nguyên do, tức căn cứ giáo phê phán. Nói: “Nếu các Bồ-tát chưa đặng Địa, Trụ”. Nói “đồng trước”: Là đồng Nhị thừa. Nói “cho và đoạt” là vì Tha thọ dụng thân cũng gọi là Ứng thân. Địa thượng kiến là Tha thọ dụng. Chỉ dùng Báo Ứng hai danh mà luận nghĩa “cho và đoạt”. “Đại kinh...”: lại nêu ba thí dụ ở Đại kinh để chứng ba thân.

V. “Phẩm này...”: là căn cứ thân dùng văn nghĩa phân phán phẩm khiến biết nghĩa lâu thành. Lại có ba:

1) Chánh nêu bản báo.

2) “Vì sao vậy?...”: là giải thích lý do trên sâu xa pháp bản, dưới kế hợp căn cơ chúng sinh.

3) “Lấy đây...”: là kết thành bản báo.

VI. “Lại nữa như vậy...”: rộng căn cứ bản tích chỉ bày ý phẩm này, trong đó có bốn:

1) Chánh nêu bản địa ba thân làm bản, tức chánh chỉ bày.

2) “Các kinh...”: cùng các bộ để biện luận sai khác.

3) “Phi bản...”: nêu nguyên do Bản tích.

4) Bản tích tuy khác mà bất tư nghi nhất.

Trong đó lại có năm:

1) Chánh nêu thể tánh bản tích, tánh tức thật tướng, thật tướng

chẳng lâu (xa) tại sao luận bản kia? Thật tướng chẳng phải gần, tại sao luận tức kia? Thật bất tư nghì cho nên gọi là nhất.

2) Tiếp chánh bài bác Triệu sư, nói “tịch tràng”: Nếu đem Cửu triệt của Triệu sư nói vẫn nương Đa Bảo tiêu biểu bản, mà Triệu công chỉ Thích-ca bản tịch cần phải nói “tịch tràng”.

3) “Lại nữa...”: lại nêu trong cận có nhiều thứ bản tịch, thông bài bác các sư.

4) “Nay nhiếp...”: là Biệt chỉ cửu bản cận tịch, nêu bất tư nghì.

5) “Như ấy...”: là kết sai khác.

Một và hai như văn. Thứ ba, văn có ba: Nghĩa là nêu lên, giải thích và kết. Trong giải thích lại có hai:

1) Biệt căn cứ ba đế để luận bản tịch.

2) “Ba thứ...”: là tổng căn cứ ba đế, ba, một không khác để luận Bản tịch. Lại căn cứ thứ tự và không thứ tự để luận tổng biệt. Hoặc biệt hoặc tổng đều bất tư nghì, chỉ căn cứ thiết lập tướng ứng dụng pháp không đồng, dẫn đến thành tổng biệt. Điều dựa vào bản thời tức tổng mà biệt, bên có thể dụng ở đó tức biệt mà tổng. Biệt tổng không hai tùy thời nói sai khác, nhưng trong biệt xuất ra biệt tướng, từ chân khởi ứng, chỉ dùng thân thông, thông gọi là “ứng”. Tục thì chỉ tục đế Tam-muội, lấy đó làm bản. Tùy phương tiện giáo được nói như đây. “Chưa biết...”: tổng kết. Thứ tư, Biệt chỉ trong đó có ba:

1) Chánh chỉ bày chọn lược.

2) Chỉ bản tịch tương hiển.

3) “Bản tịch...”: chỉ bày bất tư nghì. Trong phần đầu, chọn lược nói “ba phen bốn phen”: Ba phen là ba đế, bốn phen thêm nhất tâm. Hoặc bản hoặc tịch đều nhiếp chấp, nhiếp thuộc chấp trì, chữ chấp cũng là nghĩa chồng chất. Ba, bốn chồng chất đồng tại bản tịch. Hoặc bản hoặc tịch đều có như vậy ba - bốn bản tịch. Tại Bản tịch tùy thời sai biệt, chọn trung gian bản tịch làm tịch, thì bản địa bản tịch làm bản. Người khác không thấy Bản tịch của kinh này, chỉ biết theo nghĩa thắng chuyên cầu pháp thân. Như đây pháp bản cùng các kinh cùng thắng, ngược lại thành nghĩa liệt. Nếu đắc cửu Bản thì cận Tịch không mất. Nếu chỉ nói Pháp thân thì còn mất trung gian, huống chi viễn bản. “Từ cái...”: nêu Bản tịch tương hiển, từ nơi Bản của Bản tịch bản địa, thù ở trung gian ngày nay Tịch của Bản tịch. Như vậy Bản tịch cửu cận tương hiển, mới biết Bản là bản của Tịch gia, Tịch là tịch của Bản gia. “Ba Bản tịch bất tư nghì”: Tức căn cứ lý. Thứ năm Kết sai khác: Như văn.

Trong Thất liệu giản, trước là ý hỏi: Thắng mới gọi là khác, các

kinh nêu pháp tướng kinh đây còn thiếu ứng liệt các kinh, tại sao được trở lại năng vượt các thuyết khác? Tiếp, trong Đáp có hai văn. Đầu nói chung chung, không ngoài nhân quả và dùng tự tha. Văn có thí hợp. Văn trước nói “nghiệp”, tức hạnh năng hành, “bảo” tức pháp sở hành, “vị” tức quả sở giai. Trong phương tiện giáo hành nhân thâu hoạch quả cho nên nói “chung chung”. Nếu không có thọ lượng pháp thân thường trụ, thì nhân quả không chỗ trở về, cho nên biết các kinh các hạnh không đồng, đều nhập về mạng thường trụ của kinh này; mạng thường trú đây một thể mà ba thân thâu tóm khắp tất cả, đây là căn cứ tự hành. “Tiếp, Đại kinh...”: lại căn cứ tự tha, “Đây đủ như pháp môn...”: song hợp. “Cốt yếu trong biển ...”: kết nêu thẳng ý chia làm ba: Nghĩa là pháp, thí, bài bác. Bài bác nói: Không khác là gì?! Pháp tánh pháp thân, “trí” tức Báo thân, “ứng” tức Ứng thân, cho nên “cốt yếu trong biển pháp tánh” lẽ nào quá đây? Cho nên ứng đều dùng ba thân hợp hầu (cổ hợng)... bốn thứ. Nhưng trong các kinh lẽ nào không có ba thân, chỉ vì Kiêm Đối và chưa nêu rõ viễn đó thôi! Vì vậy cho nên kinh này vĩnh viễn khác với các giáo. Nếu không như vậy, thì xét kỹ các kinh, kinh nào nêu Phật cứu viễn là Bản đồng với kinh này? Vì sao dùng khổ để bài xích đức lâu thành? Vì giải thích nghi ư? Đây nếu giải thích nghi phương tiện thì cũng là giải thích hiện tướng nghi. Phương Tiện giải thích nghi thì phẩm Tựa là Chánh thuyết, mới có thể trong đây Dũng-Xuất là Chánh, hướng chỉ các phẩm khác đều phán lấy làm Lưu thông. Nhưng trong luận tự liệt kê Mười thứ vô thượng:

- 1) Chung tử vô thượng chỉ thí dụ mưa rơi.
- 2) Hành vô thượng chỉ việc của đức Đại Thông.
- 3) Tăng trưởng lực vô thượng chỉ thí dụ Hóa thành.
- 4) Khiến giải vô thượng chỉ thí dụ buộc châu.
- 5) Tịnh độ vô thượng chỉ Đa Bảo hiện.
- 6) Thuyết vô thượng chỉ thí dụ hạt châu trên búi tóc.
- 7) Hóa sinh vô thượng chỉ Dũng xuất Bồ-tát.
- 8) Thành đạo vô thượng chỉ thọ lượng tam Bồ-đề.
- 9) Niết-bàn vô thượng chỉ con của Thầy thuốc.

10) Thắng diệu lực vô thượng chỉ các phẩm dưới, là phần Tu-đa-la còn lại. Nên biết luận ý, chỉ từ phẩm Phân Biệt Công Đức trở đi, là phần Tu-đa-la còn lại, tức phần lưu thông còn lại của kinh. Vọng nay Sở phán chỉ khác nửa phẩm. Nếu dùng Công đức mà nói thì có thể đều thuộc lưu thông. Nay từ lãnh thọ ký mà phán thì thuộc Chánh thuyết vậy. Điều khác với các kinh, cho nên nói “vô thượng”.

Nếu như vậy thì từ thí dụ mưa về trước lẽ nào chẳng phải Vô thượng ư?

Đáp: Thí dụ mưa đã thuật thí dụ và lãnh giải. Phẩm Phương Tiện đã phán là Thâm thâm. Thâm thâm chỉ là tên khác của Vô thượng, huống chi phẩm Phương Tiện đã là căn bản của Thí dụ. Nếu dùng Phương Tiện trở xuống tám phẩm làm Chánh, cũng được là Chánh trong Tích môn. Nếu dùng mười ba phẩm làm Chánh thì lại tạp lẫn Tích môn lưu thông. Cho nên biết chọn tích lưu thông làm chánh, bỏ bản chánh làm lưu thông, sự sâu xa không thể được, đầy đủ như biệt ký. Cho nên biết bản địa ba thân tức như yết hầu của thân các kinh, như cổ áo, như mắt với các căn. Từ cổ xuất ra gió, tục thông cho nên biết nay nêu bản tích không đồng với các kinh các sư. Câu văn của phẩm này thì câu sơ hơi nhiều, trước sau khó thấy, cho nên trước biên chép ra. Chỉ dựa vào đây mà khai. Văn khai hiển có hai:

- 1) Khuyên bảo, tin,
- 2) Chánh đáp.

Lại có hai: Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: Pháp, thí.

Đầu, trong pháp thuyết có hai:

- 1) Ba đời lợi ích vật.
- 2) Tổng kết ý không đối.

Ba đời chia làm hai:

- 1) Quá khứ chia làm hai:

1) Từ “Như Lai bí mật...”: nghĩa là nêu chấp cận. “Nhưng Thiệu nam...”: là phá cận hiển viễn. Văn đầu lại có ba:

- 1) Nêu pháp sở mê.
- 2) Nêu chúng năng mê.

3) Nêu mê bản. Tiếp, phá cận hiển viễn lại có hai: Trước, hiển viễn. Sau, lợi vật thích nghi. Hiển viễn lại có hai: Pháp thuyết, Thí thuyết.

Thí thuyết lại có ba:

- 1) Nêu thí dụ hỏi.
- 2) Đáp.
- 3) Hợp.

Tiếp, “Ích vật sở nghi” có ba:

- 1) Nơi ích vật.
- 2) Phát tích thượng nghi.
- 3) “Nếu có chúng sinh...”: chánh nêu Ích vật sở nghi.

Trong đó có hai:

1) Cảm ứng.

2) Thiết lập hóa.

Trong đây lại có hai:

1) Nêu lợi ích của hình tiếng.

2) Được lợi ích hoan hỷ.

Hình, tiếng lại có hai:

1) Hình.

2) Tiếng.

Lợi ích hình lại có hai:

1) Phi sinh hiện sinh.

2) Phi diệt hiện diệt.

Lợi ích của tiếng, như văn. Được lợi ích hoan hỷ, như văn.

Tiếp “Các Thiện nam tử! Như Lai thấy...”: hiện tại lợi vật lại có hai:

1) Cơ cảm.

2) Ứng hóa, trong đó lại có hai: a) Phi sinh hiện sinh. b) Phi diệt hiện diệt.

Đầu văn lại có hai:

1) Hiện sinh.

2) Hiện sinh lợi ích.

Hiện sinh lại có hai:

1) Hiện sinh.

2) Phi sinh.

Trong hiện sinh thứ hai lợi ích có hai:

1) Hình tiếng.

2) Không đối, không đối có hai :

a) Không đối.

b) Giải thích không đối lại có hai:

b.1) Chiếu lý không đối.

b.2) “Do các...” là nêu xứng cơ không đối gạt, trong đó lại có hai:

b.2.1 Cơ cảm.

b.2.2) Thiết lập hóa.

Tiếp, nêu Phi diệt hiện diệt, lại có hai:

1) Phi diệt hiện diệt.

2) Hiện diệt lợi ích.

Đầu, lại có hai:

1) Bản thật bất diệt. Trong đó có hai: Đầu, nêu quả vị thường trú; sau, nêu nhân so sánh quả.

2) “Nhưng nay...”: trong Tích xướng diệt.

Hiện diệt lợi ích, lại có hai:

1) Bất diệt có tổn.

2) “Dùng phương tiện...”: xướng diệt có lợi ích.

Đầu, lại có hai:

1) Bất diệt có tổn.

2) Rộng giải thích.

Có lợi ích có hai:

1) Tán thán Phật khó gặp.

2) Giải thích, như văn.

Tổng kết nghĩa không đối lại có ba:

1) Nêu chư Phật xuất thế ắt trước thiết lập ba.

2) Nêu đều là hóa vật.

3) Điều không phải hư vọng.

Tiếp, trong thí dụ có hai: Khai, hợp. Khai thí chia làm hai:

1) Lương y thí dụ ba đời.

2) Trị con thí dụ nghĩa không đối.

Văn đầu lại có ba:

1) Y Thầy thuốc đi xa là thí dụ quá khứ.

2) Trở lại rồi đi là thí dụ hiện tại.

3) Tìm đến là thí dụ vị lai.

Quá khứ lại có hai:

1) Phát cận hiển viễn.

2) Hóa lợi ích sở nghi.

Nay chỉ hóa lợi ích. Trên hóa lợi ích lại có ba:

1) Xứ sở.

2) Phát tích.

3) Chánh hóa.

Nay chỉ chánh hóa. Trên chánh hóa lại có hai:

1) Cơ cảm.

2) Chánh ứng hóa.

Nay thí dụ đủ. Nay căn cứ văn đầu lại có hai: Như có lương y, siêu thí dụ ứng hóa. Từ “Người ấy nhiều con cái”: Là truy thí dụ cơ cảm. Tiếp, chánh ứng hóa, văn đây có ba khuyên bảo. “Ba phen thỉnh” cho đến “trịnh trọng”: Trong thỉnh đã nói: Ba phen bạch như vậy rồi lại nói: “Phải biết” đến bốn. Đức Phật đối sau ba phen thỉnh lại nói: Các ông lắng nghe tức lời răn thứ tư, và trước tích môn răn hứa đến ba phen thỉnh, tức năm phen răn bảy phen thỉnh. Trịnh trọng như trước giải thích.

“Xưa nói Thất phương tiện” cho đến “thành đế”: Là nói “Thất phương tiện quyền”, lại mượn quyền xưa, nếu đối quả môn thì quyền thật đều là ý tùy tha. Do trong Viên nhân cũng có Vô sinh nhẫn, tức dễ nghe viên cho nên để qua bên mà không luận. Cho nên, đây tự tha tùy dụng sai biệt, đầy đủ như trong Huyền Văn. Trong Pháp thuyết vị lai nói ít, chỉ là bốn chữ “thường trụ bất diệt” làm văn vị lai. Thí thuyết trong kệ văn nhiều. Trường hàng trong thí thuyết từ: “Người cha nghe con” trở xuống, là văn kia còn ít. Kệ trong Pháp thuyết, từ: “Ta thấy các chúng sinh” trở xuống, văn có mười hàng rưỡi cho nên nói nhiều. “Một thân tức ba thân...”: Trong văn hai giải thích đều có ý kia. Giải thích thứ nhất căn cứ ba thân, pháp thể pháp nhĩ tương tức. Giải thích thứ hai căn cứ xưa nay tương vọng, dùng pháp thể nay vọng xưa. Cũng có thể giải thích trước là thông các vị, giải thích sau là bài bác các kinh khác, chỉ tại kinh này nên vậy tức thân thông của bí mật gia. Cho nên lại căn cứ ba thân để giải thích, nên biết thân thông lực tùy nơi giáo chủ các giáo. Vì thế, rộng căn cứ các vị phân chọn xong. Lại căn cứ xưa nay phân biệt mới hiển thân thông của bản địa ba thân. Nếu giải thích tiểu thừa và dùng tiệm giáo thì không được dùng ba thân trong đây giải thích. Dẫn kinh Đại Phẩm: Kinh này nêu hết thấy thế gian đều cho là cận thành, chỉ liệt kê thiên, nhân, Tu-la không nói ba đường ác, nhưng chấp cận cũng phần nhiều tại ba thứ đây, cho nên dẫn làm theo lệ. Trước tuy có tên nhị thừa từ đầu để nói, nếu hợp khai rồi đều thành Bồ-tát, cho nên nay chỉ từ khai biên để nói. Ý kinh Đại Phẩm kia nói thù thắng vượt ra là chỉ thù thắng vượt ra Tiểu (thừa). Tiểu tại ba thứ đây không cần ba đường ác cho nên tạm dẫn đồng. Từ đây nói pháp thân địa đến nói lâu dài, pháp nhẫn Bồ-tát còn phải tự nghe. Nên biết thọ lượng chẳng nói không biết, nhưng người đắc Vô sinh cũng nghe ứng tức pháp thân, chỉ không nghe lâu thành mà thôi! Nói “tự ứng...” chỉ không đồng giới nội trải qua năm vị vượt qua Bản tích, bảy phen thỉnh năm phen khuyên răn mới được nghe, do thấy một phần pháp thân lý hợp được nghe lâu dài. Cho nên văn trước nói: Địa trú lên được nghe thường, chỉ là thường cùng thời khác có khác, cho nên lại luận.

“Phá cận hiển viên” lược có mười ý như Huyền Nghĩa... Huyền Văn quyển chín nêu rõ trong dụng có mười môn không đồng, kia liệt kê đủ giải thích gồm Tích môn mười ý để biện đồng khác. Nay chỉ lược nêu hai môn phá phế. Chú gia nói: Thọ (lượng) vô thủy tối tằm mà chưa hiển sáng tỏ, đây không ứng như vậy. Vì sao? Trong đây chánh nêu nghĩa cứu viên trường (lâu dài) để phá Già-da cận thành đoản (ngắn) hiển

bày sáng tỏ đâu có tối tăm. Lại nói: Sao đức Phật không như vậy? Đây cũng không như vậy! Xa gần không đồng dài ngắn sai biệt. Nói thẳng xuống một hạt bụi, một cội bị điểm, thì trong đây Kinh văn không nói điểm xuống chỉ gồm văn tích kia mà thành lời nói kia thôi! Tăng truyện nói: Căn cứ kinh cựu mà La-thập dịch không có bốn chữ “một trần một kiếp”. Đời Tề có Cao Tăng Đàm Phó tụng kinh cảm mộng nói thiếu một câu, sau đắc quả. Như kinh Kim Quang Minh nói: “Có thể biết số giọt nước trong tất cả biển, mà không thể biết thọ lượng của Như Lai”. Đây cũng nêu thọ lượng đời vị lai chẳng phải quá khứ. Nếu dẫn chứng đây thì sự đặc thù đều tương ứng.

Nơi “Ích vật”: Ta-bà đây tức là cội bản ứng thân nương ở, ngày nay tích ở không đời đổi nơi bản, chỉ xưa nay thời có khác. Thấy thiêu cháy: Nghĩa là cận, chiếu bản là thấu đạt viển. Cho nên kinh nói: Cõi ta không hủy, thường tại Linh Sơn đầu lìa Già-da biệt cầu thường tịch, chẳng phải ngoài cõi Tịch Quang riêng có Ta-bà!

“Nơi trung gian đó...”:

- 1) Chánh giải thích.
- 2) “Hoặc có...”: là nêu xưa.
- 3) “Nay là...” phá xưa.

Trong chánh giải thích, đầu tổng lập năng phát. Tiếp, “nhân nghi...”: chỉ sự sở phát. Trước nêu. Tiếp, “Xưa giáo...”: là giải thích xuất sở nghi. Tiếp, “Nay phát...”: là chánh chỉ tướng phát. Chính do kinh văn trước nêu sự xong, kết nói đều là phương tiện, tức gọi là “Phát”. Xưa đối các giáo tuy thấy không đồng mà sinh nghi, chính không biết là quả hậu phương tiện; và như vậy chỉ bày ý sai biệt tức nói “gặp Đức Phật Nhiên Đăng” và “ở đời Phật Nhiên Đăng nhập Niết-bàn” vậy.

Tiếp, “Xưa giải thích”: Lại có người nói: Nói Đức Nhiên Đăng: Nói tha là ngã hay là bình đẳng ý thú! Kinh văn chỉ nói ngã nói tha thân đầu cần sửa nói ngã là ngã. Nay giải thích ý nói: Là Thích-ca Bồ-tát nhập diệt, không được nói là Nhiên Đăng Niết-bàn cũng chẳng phải Thích-ca lúc ấy ở đời Phật Nhiên Đăng đã từng thành Phật mà nhập Niết-bàn. Không thể hai đức Phật cùng một lúc hưng khởi. Vì vậy cho nên chỉ dùng đặc thọ ký hoàng pháp thọ lượng tận cùng làm quả.

“Phật nhãn...”: Đã đối Phật nhãn nêu nơi hai ứng, cho nên tha thọ dụng cũng ứng nhiếp. Nhân thiên và dùng pháp nhãn đều nói là hoa báo, chẳng phải không cận quả nương Phật báo. Cõi kia đã vậy thì thân sao lại không như vậy. “Tín... các căn”: Đã được Như Lai Bản địa Phật nhãn quán sát tận một kia lâu (xa) dài chiếu nguồn căn kia cho nên

năm căn đây cần phải căn cứ Bản địa trung gian duyên liễu. Lại kinh tiệm đốn đại tiểu và nhân thiên thừa, danh đồng thể biệt thông, được gọi là “tín... năm căn”, do nhân thiên thừa thông gọi là “duyên nhân”. Đây chính là vọng kia biến khắp khai thông thành Duyên, Liễu. Trong đó trước căn cứ tiệm đốn phán xét. Tiếp căn cứ Đại tiểu nhân duyên để phán xét. Tiểu tức tiệm sơ, trong tiệm lợi độn chỉ nói Tạng Thông. Tiệm thông đủ bốn do Biệt, Viên đồng nhập trong Hoa Nghiêm đốn giáo nhiếp thu. Vậy cho nên lại dùng tiệm trong giới nội xảo thuyết, đối với lợi độn thông tại Phương-đẳng Bát-nhã hai vị. Lại dùng Tiểu đối nhân thiên biện rõ lợi độn, lại dùng ưu liệt (tốt xấu) tương vọng. Chỉ nhân thiên thừa biến khắp tại trong tất cả giáo Đại tiểu, mười giới đến hai nhân: Nên nói trong pháp giới cũng có ác pháp. Mà nói không dụng: Do mười pháp giới là nói phát sinh cơ duyên thiện nên không lấy ác pháp, chỉ trong mười giới xoay vần tương vọng mà có năm thừa bảy thiện và Viên Thật các thứ, cho nên Thánh nhân lại lập phương tiện truyền truyền dẫn xuất. Bởi do có cơ nên thích nghi không đồng không thể đốn xuất.

Hỏi: Nếu vậy Phật quả đã cùng cực thì tại sao cũng được gọi là sinh căn cơ?

Đáp: Trong đây luận về cơ và biện rõ lợi độn. Pháp giới Phật chưa phải là Phật quả, Huyền Văn kia nói mười giới xen lẫn dùng luận cơ duyên thì quả Phật cơ thông nơi mười giới. Nếu trực tiếp thích hợp dùng Phật giới độ người, thì đó là Phật giới có cơ duyên Phật giới. Nếu chưa thích hợp Phật giới, thì dần dần nơi Bồ-tát giới mà thành thực, cho đến địa ngục tức đến địa ngục mới hồi tâm, đầy đủ như trong Thích Tiêm, cũng như Quan Âm Diệu Âm hiện thân không đồng.

“Tự nói danh tự...”: Đã đối mười giới hoặc chỉ luận bốn thánh để biện hơn, kém và ứng thẳng liệt. Nên biết trong đây lại đối với thẳng liệt ứng của Phật giới sở dĩ luận. Sở dĩ thường luận: Sợ vẫn cho là pháp thân thuyết pháp cho nên vậy. Ngang luận tức mười phương, xưa nói mười phương. “Căn cứ xứ sở dọc” đến “Nhiên Đẳng Phật”: Dùng Thích-ca vọng xưa gặp Đức Nhiên Đẳng, gọi là thời Nho Đồng, không phải chấp Nhiên Đẳng khác để vọng ta. Nếu chấp Phật khác thì chẳng phải ta dọc. Nếu chỉ Nhiên Đẳng Phật thân thì có thể dẫn loại mà thôi, cho nên nói “như nay...”. Nói “Sinh Pháp”: Như dưới giải thích thẳng liệt đều có Sinh Pháp hai thân. Tiếp, căn cứ trong ngang nói “Cũng như kinh Hoa Nghiêm nói mười hiệu...”: Phẩm Danh Hiệu nói: “Như Lai ở nơi tứ thiên hạ, hiện các thân, các danh, các thực, các hình, các tướng, các dài, ngắn,

các thọ mạng, các xứ, các căn, các sinh, các nghiệp, khiến các chúng sinh đều biệt tri kiến. Lại trong mười phương đều có mười ngàn danh hiệu khiến các chúng sinh đều biệt tri kiến”. Đã nói Như Lai ở trong tứ thiên hạ này..., cho nên không được đem Phật khác để vọng ta, trong đọc cũng vậy. “Lại, các kinh...”: là nêu Phật có ba thân tự vọng lẫn nhau danh tự không đồng. “Đầu, thông nêu hoặc thuyết...”: nêu ba thân tương vọng cũng được gọi là ngang. “Pháp thân Phật” cho đến “Bát-nhã Thủ Lăng Nghiêm”: đối trong pháp thân lại có danh khác không đồng. Bát-nhã là Trí, Lăng-nghiêm là định, bất tư nghi định tuệ đều là tên khác của Pháp thân, đầy đủ như trong Chỉ Quán giải thích tên. Do Đại kinh nói Phật tánh có năm tên; chỉ nêu Pháp thân hai thứ khác vẫn lược. Do ngang vọng cho nên liền được dùng Phật vọng Phật, như trước đọc vọng chỉ được dùng Phật vọng thân Bồ-tát xưa vậy. Nay đã thành rồi, có thể đắc vọng ngang. “Hoặc nói thọ hai vạn” đến “có thể biết”: đây nhờ Phật khác để hiển Thích-ca như chư Phật kia, cho nên đều nói “như”. Ngang đọc, có thể biết: Thích-ca Di-lặc tức đọc, đối hiện mười phương tức ngang. Nếu tự thân nay vọng ngày xưa thọ tức đọc, vọng tự thân thọ tức ngang. Như Huyền Nghĩa v.v.... Trong Huyền Văn kia nói thọ mạng vi diệu, nêu rõ đầy đủ thọ mạng bốn đức Phật trong Tích và trong Bản, Đại tiểu không đồng. Ưu, liệt tương vọng và dùng kia đây mà luận ngang đọc. Nhưng không dùng ưu liệt để phê phán Bản tích, chỉ dùng cửu cận phê phán Bản tích thôi! Khiến biện rõ đồng khác cho nên chú nói “vân vân”. Hoặc ba thân tương vọng: Đối trong một giáo tự dùng ba thân mà có ưu liệt, dùng làm Đại tiểu thì nghĩa thông Biệt Viên. Tiếp, hoặc ba thân đều biệt, đều là tiểu; đây chính Biệt Viên tương vọng, Viên đại biệt tiểu. Theo lệ ba điểm nói: Chỉ là đều biệt và phi. Đọc ngang tức thí dụ Biệt Viên, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba. Sư xưa dùng sáu giải thích đều làm đọc ngang, Sư nay ba giải thích không ngang không đọc. Nếu lại đối ngang đọc phán xét Đại tiểu: Thì Tiểu thừa ba đức làm tiểu, ba đức Biệt giáo làm đại. Cũng lại hiện nói đương nhập Niết-bàn, đây chỉ văn khai Tích xong. Nếu khai Tích xong được nói song lâm là thị hiện diệt độ làm lợi ích vật. Lấy nay căn cứ xưa cũng lại như vậy. “Sư tử Phấn Tấn...”: Gọi Phấn Tấn và mười công đức thông nói “Bản tích” cho đến “Sơ trụ”, nay phải phân biệt đây, là lâu thành hiện tác hiện tại. Có mười đức: Trước nói chín có thể thấy, Như thứ mười nói: Đầy đủ mười thiện trên, tức như tứ quán quán nơi mười thiện. Viên tức thượng thượng mười thiện. Mười thiện chỉ là ba nghiệp, cho nên nói “thân ba...”. Cho nên bốn - ba nghiệp tiết tiết không đồng.

Cho nên thượng thượng đến quả gọi là công đức thứ mười của Sư Tử Phấn Tấn chỉ là ba nghiệp tùy theo trí tuệ hành và ba mật... Cho nên Phật quả địa cũng dùng Sư tử Tam-muội, phấn tấn nơi trần cấu khác. Nếu luận chư Phật đời đời đều như vậy thì chín thứ còn lại chuẩn theo đây... dựa theo giải thích mười tướng biện minh trung gian ngày nay đời đời đều có hiện tại tích hóa do bản công đức.

“Như Lai thấy” cho đến “ưa Tiểu pháp”: Dùng cửu cận tướng Thánh làm tiểu, đức Phật dùng bản địa Phật nhãn thấy, chưa thích hợp viễn nói, do ưa cận nói gọi là ưa tiểu. “Hoa Nghiêm” đến “người”: Là trước dẫn kinh, đây là đầu phẩm Thập Địa Bồ-tát Kim Cang nói ngăn giải thoát nguyệt. “Xét kinh kia...”: nay văn phán xét. Cho nên biết kinh kia do chưa đến hồi hưởng vì không có hành lâu, đây chỉ là thứ lớp hành đó thôi! Nếu Phổ Hiền hạnh sơ phát tâm trụ rồi viên chứng xong, thì đâu thể đến địa tiền nói không lâu hành mà không vì nói.! Nếu nói nương thứ lớp mà luận không thứ lớp thì vì sao sơ trụ không thứ lớp mà cũng nói có thứ lớp ư? Cho nên nương nói thứ lớp cần có điển cứ, nên kia dùng nghĩa hành không lâu làm “ưa Tiểu”. Nay văn chính dùng ưa cận thành làm ưa tiểu. Chỉ dẫn nhân giống như bản chẳng phải văn tức bản. Nếu nói đối Tiểu làm “ưa Tiểu” thì Địa tiền Trụ tiền và Tạng Thông Bồ-tát còn không hợp Tiểu, hưởng chi Thập địa của kinh kia, hưởng chi bản môn của kinh này. Sư nói: Dẫn Nam Nhạc nói đồng làm chứng. “Nay đương...”: Đại sư đối dưới thông căn cứ giáo đạo, bắt đầu từ tệ dục cuối đến Biệt giáo thông gọi là “ưa Tiểu”.

“Đức mỏng cấu nặng”: Người kia chưa có hai nhân Thật giáo. “Nói...”: văn dưới nói “Các con nhỏ dại”: Chỉ văn dưới Thầy thuốc và con dụ, còn chưa kham nghe viên hưởng chi khai viễn ư! Kiến Tư chưa trừ: Lại hiểu rõ nói “thơ dại” trong Thí dụ, chắc chắn chưa biết viễn. Tiếp, “Hỏi: Nếu bốn vị trước chỉ ưa cận thành làm “ưa Tiểu”, thì Hoa Nghiêm đốn bộ Viên trong các vị và dùng nhân môn vì sao cũng gọi là “ưa Tiểu pháp ư”?

Đáp: Trong bốn nghĩa ba tại nhân thứ tư tại quả môn, cho nên tên gọi “ưa Tiểu” còn thông tệ dục, hưởng gì Tiểu ư! Cho nên nay quả môn biệt ở ưa cận, cho nên hai người trước trong ba người trước tự thoái Đại về sau chấp ái, trước kiến, người này còn không ưa nơi Tiểu thừa, hưởng chi Viên thừa ư!

Tiếp, Một là chấp ba phương tiện giáo còn không kham nghe Viên, hưởng chi lại nghe chỗ viễn đối biệt. Cho nên, đối quả môn dùng nghĩa “ưa cận” làm “ưa Tiểu”. Nên biết quả môn Viên nhân Hiền vị

còn có ưa cận thành. Tức là hoặc sau quả môn tất cả khai rồi, thì sơ tâm cũng nghe hưởng chi Hiền vị ư! Đời mạt pháp người chưa từng phát tâm cũng nghe, hưởng chi là người phát tâm ư!

Hỏi: Đời mạt pháp đều nghe Phật xuất thế đâu lựa chọn ư?

Đáp: Đức Phật xuất thế đương cơ cho nên chọn đời mạt pháp kết duyên nên khai. Nếu được ý đây phàm các pháp tướng sở đối không đồng, đâu cần hỏi nói Viên không nên ưa Tiểu. “Trước nêu lợi độ” đến “hai ứng”: Trước nêu hai cơ thông tiệp đốn giáo, tổng phán xét lợi độ cho nên nay tổng dùng hai ứng nói. “Liệt ứng” đến “pháp thân sinh”: Tướng của hai ứng, Kinh văn đều có nói Sinh Pháp hai thân sinh tướng. Nên biệt hai xứ tương vọng không thể dùng thừa chiền đàn lầu các! Lạm đồng quán suốt kỹ càng, không thể dùng chủng trí viên minh, đồng chánh tập đều tận. Lại dùng mười hương bảy bước không đồng mà tiêu biểu thẳng, liệt. Cho nên biết hai xứ đều không có nghĩa lâu thành. “Chỉ do” đến “nói như vậy”: Chưa khai chỉ nói sinh, khai rồi mới nói chẳng sinh. Nay thuật tích thù phương tiện đối nay nói khai rồi cho nên tổng nói đó thôi! “Các kinh khác” đến “phi sinh”: Một phen xưa lại từ Tiểu thừa để nói, như Phật hỏi Quân Đê: Hòa thượng ông giới thân có diệt không? Cho đến tri kiến thân diệt không? Đều đáp nói: Không Phật ấn hứa, Đã chấp nhận bất diệt cho nên nói “không phá”. Nếu trong Đại thừa thì cũng chẳng phải không phá. Lại tuy dùng Đại phá Tiểu chỉ Đại tiểu tương đoạt, Đại tiểu vẫn còn. Trọn không dùng viên mà đoạt ở cận, cho nên nói còn không đồng. Cho nên kinh này vọng thể tịch tràng Giá-na đã là tích thành cho nên nói chánh phá. Chưa thể tùy luận bốn giáo. Lại căn cứ hai xứ thành tướng, tức hiểu Tạng Thông hai thân là liệt ứng, Biệt Viên hai thân là thẳng ứng. Trong văn tuy nói hai ứng đều có Sinh Pháp hai thân, nhưng ngũ phần pháp thân trên liệt ứng thân nghĩa đồng Sinh thân, trên thẳng ứng tuy nói Sinh thân mà nghĩa đồng với Pháp thân. “Nói gặp đức Nhiên Đăng” đến “nói tha thân”: là dùng thân Nhiên-Đăng Phật làm tha thân. Nếu căn cứ ý đây nói tha thân thì lẽ ra còn hai giải thích, chỉ bày tức hẩn tại nơi ta, nói thì gồm nơi tự tha. Như nay nói Di-đà cũng thành việc ta và việc Di-đà duyên tương quan. Như một chúng hội hoặc nhóm tập mười phương hoặc tập một phương, hoặc trú mười phương hoặc trú một phương, thị hiện y báo không phải thẳng ở cõi hiện tại, cõi trần đều có đủ như trong Hoa Nghiêm.

Từ “Chương quá khứ trên” đến “lợi ích Thế giới”: Một phen xưa lại dùng đắc hoan hỷ biên gọi là Thế giới, đâu phải đời quá khứ không có ba đời khác ư! Cho nên nói “tợ như”. “Nay nêu rõ đều không đối

gạt”: Nay hiện tại vẫn đều nêu đủ tứ tất đều đến bản môn. Cho nên biết quá khứ lại phải đầy đủ ba. Đại luận tứ Tất-đàn đều thật: Luận kia thông dùng Đệ nhất nghĩa làm Diển môn pháp tướng, dùng tam Tất làm Tam tạng, đều có thật kia. “Đốc thúc luận...”: ý đại luận kia ắt hẳn phân biệt hư thật, một ở Diển môn nên thật, ba ở Tam tạng nên hư. Nói “trong duyên”: Như trước tùy duyên bất định, cơ tại Tiểu, Tiểu tức gọi là thật. Như người Tam tạng đối với tứ Tất đây thì ba thật một hư, Thông Biệt hai người thì ba hư một thật, Viên thừa thì hết thấy đều thật, phàm phu thì hết thấy đều hư. “Nếu dùng...”: mượn thật hư đây để phán xét hai môn. Dùng hai môn đây đối hai loại chúng sinh tiệm đốn chưa từng dùng đương cơ làm hư, đương cơ làm thật. Lại để qua tứ Tất mà dùng nhân quả tương đối để biện hư thật: Trong đó trước dùng mười bảy phương tiện đối hai môn phán xét.

Tiếp dùng người thật đối hai môn phán xét, nếu phương tiện giáo thì hai thứ đều hư, nhân môn khai xong vọng nơi quả môn thì một thật một hư, Bản môn hiển xong thì hai thứ đều thật, cho nên biết Tích thật nơi Bản còn hư. “Căn cứ viên đốn...”: hoặc người Bản Viên vọng nơi hai môn, Tích chỉ một hư, tuy nói lại không có biệt đặc mà đều tăng đạo lợi ích. Nếu nơi giáo xưa từng mật hiển viên đối hai môn đây cũng gọi là hai thật. Thì căn cứ trước cũng nên nói lại không biệt đặc đều hai môn lợi ích tăng đạo. Nếu năm mươi người đứng dậy bỏ đi thì đối với hai môn đây còn gọi là đều hư. Lại giáo trước mật khai không đến đây cũng gọi là đều thật. Đối Dũng-xuất chúng chẳng hư chẳng thật, cũng gọi là thật, vì tự muốn đắc. Đối tướng diệt, thì đây hư kia thật; đối người có thoái thể hiện hư đương thật, ảnh hưởng phát khởi cũng phi thật, phi hư, hữu hư, hữu thật; đối người mê giáo thì hết thấy đều hư.

Hỏi ý: Xưa là xưa giáo xưa, nay là hai môn, xưa nay bản tích đều gọi nhập thật, dùng xưa vọng nay làm hai hư, thì lẽ ra đương ngày nay hai môn thật tướng hơn thật xưa tất ư? Thật vốn không hai xưa nay đâu khác ư?

Đáp ý: Lại dùng Tích đáp, Bản căn cứ đây có thể biết. Giáo môn trước sau nhập thật không khác. Đầu chỉ Hoa Nghiêm, tiếp chỉ hai vị hoại bỏ thảo am nhập, tức chỉ Pháp Hoa, khi nhập ở người, chẳng có lý riêng.

Tiếp, “theo lệ”: Dùng Tiểu theo Đại, đây chính dùng ngang theo dọc. Nếu lại dùng dọc theo dọc thì nên nói “Lộc-uyển nhập Tiểu” và “trong hai vị nhập Tiểu” không khác. Đây thì nhập Đại nhập Tiểu không nơi nào không có. Năm vị theo thứ lớp tương sinh, độn tiểu từ

hiển lộ để nói. Trong đó có sáu câu: Nêu rõ ngày nay Ứng thân, tức là đã từ lâu thành Pháp thân. Bất tư nghi nhất cho nên nói chiếu lý bình đẳng, nên Bản tích nhờ sự để nói. “Như thật tri kiến...”: Luận nói: Như Lai tri kiến tướng tam giới: Nghĩa là chúng sinh giới tức Niết-bàn giới, không lia chúng sinh giới mà có Như Lai tạng. “Không có sinh tử...”: Luận nói: Thường hằng thanh tịnh là nghĩa bất biến. “Cũng không tại thế...”: Luận nói: Như Lai tạng thể chân như cùng chúng sinh giới bất tức bất ly. “Bốn nghĩa phi thực v.v...”: Luận nói: Là bốn thứ tướng, vì bốn thứ tướng là vô thường. Phải biết ý luận các câu đều Viên, vậy nên các câu đều nói “cùng chúng sinh giới bất tức bất ly”, cho nên nay đều làm Viên thường trung đạo Phật tánh giải thích. Không làm giải thích như đây, còn không thể thấy thực trong giáo xưa hướng chi khai hiển thật, hướng chi cứu viễn thật! Cho nên đây phải chỉ Bản trí chiếu cảnh, không thấy đây chỉ luống làm rõ Bản môn!

Nói “Sáu câu”:

- 1) “Như Lai...”.
- 2) “Cũng không... tại thế...”
- 3) Phi thật phi hư.
- 4) Phi như phi dị.
- 5) “Không như tam giới...”
- 6) “Như đây...”.

Trong đó câu đầu nêu ý: Như Lai thấy rõ lẽ ra nói pháp giới vì sao chỉ nói tướng tam giới...?! Vì khiến chúng sinh biết nơi thù tích đều là pháp giới. Pháp thân thường trú cho nên nói “như thật”. Cảm pháp thân cơ, kích động pháp thân nên khởi hai ứng, cho nên gọi là “cảm”, không thể riêng dùng pháp thân làm ứng. “Như thật...”: là chánh giải thích, trong giải thích đầu câu thứ nhất, nếu căn cứ trong câu dưới nói không có hai thứ tử, thì nên nói không có hai thứ nhân tướng tam giới. “Thẳng nói tam giới”: Năng tri kiến gọi là trí, sở tri kiến như như cảnh trung đạo, cảnh trung đạo không ngoài tam giới. Trong sở tri kiến đã thông phạm Thánh, nay do Như Lai tri kiến đều thật, ngoài ra sở tri kiến vọng Phật là hư mà còn có nhân. Phật như thật kiến cho nên nói không có nhân. Là tam giới rồi không có biệt lý, cho nên “không có sinh tử...” tức không có hai thứ tử quả. “Khởi tập...”: là kết, nhân quả của hai loại tử trên cho nên có ngũ trụ tập gọi là thoái, có hai tử quả gọi là xuất. Mà nói vô thường quả hiện: hai loại tử vọng trong đó cả hai đều vô thường, biệt chỉ hai cõi lấy làm hai loại tử. Thông luận Kim Cang về trước còn gọi là vô thường. Cũng không tại thế và diệt độ: Cũng là song phi nhị

biên nhân quả, hai câu này và hai song phi nên nói bốn câu. Cho nên trước từ như thật tri diệt độ căn cứ như lý sở ly. Tiếp hai câu cùng hiển thể trung đạo, hai câu sau căn cứ năng kiến nói. “Nếu song phi...”: bốn câu đây đều thành song phi, đây nói song phi, nếu kia kết tức thành câu biên. Kia nói tuy hiển mà sợ cùng quyền giáo song phi lạm xen nhau, cho nên lần nữa lại giải thích song phi kết câu. Nếu thuộc một bên thì đều ở truyền giáo. “Theo lệ như...”: nêu tướng kết câu, dùng các câu còn lại kết nay song phi, khiến thành câu thiên lệch chẳng phải viên thật, cho nên nêu rõ các câu thứ lớp kết.

Kết câu đầu nói: “Phi sinh phi tử...”: Dùng sinh làm sinh tử biên, dùng tử làm Niết-bàn biên, sinh ấy tử ấy chính là song chiếu. Nếu kết là sinh thành sinh tử biên, phi sinh phi tử chính là song phi. Nếu kết làm tử chỉ thành Niết-bàn, thoái xuất cũng vậy. Hai câu dưới căn cứ đây. Nếu vậy kết rồi trở lại song phi mới hiển trung đạo cho nên nói “nay đều là phi”. Nay trong kinh thẳng nêu song phi hiển trung, không thiên kết câu nên chỉ có viên cực. “Như đây lưu”: Đây theo lệ còn nhiều tức là cho đến văn dưới. Như đơn phức đầy đủ nơi nơi tuy có nói song phi mà vì câu kết đều có sở thuộc, cho nên hết thấy kiến chỉ kết thành. Nhị thừa các câu chỉ kết thành không, đây có đây không chỉ thành biệt tục, phi có không này chỉ thành trong biệt, nay nêu viên lý cho nên phải vi tế biện rõ. Kinh nói “Như Lai như thật tri kiến”, hoặc dùng nhị thừa... giải thích thì có tội hủy báng Phật, nhưng đây kết câu chỉ tại một nhà, phê phán các kinh luận hết thấy câu pháp để biện minh văn nghĩa tông thú không đồng. Trong Sơ Tịnh Danh nói nhân chương Thích-ca Chiên Đàn, chiên đàn chỉ nói các nghĩa khổ, không, vô ngã v.v... tức nghĩa ở Tam tạng, Tịnh Danh kết thành nghĩa Thông trách nói: Không vô sở khởi là nghĩa khổ...: Phải biết Không vô sở khởi là không có khổ không có lạc, chỉ kết nghĩa trở về nơi khổ. Đã nói không có khởi lại nói là khổ cho nên chỉ thành Thông. Nếu nói Không vô sở khởi, song phi không hữu thì kết thành nghĩa lạc tức thành ý Biệt. Biệt dùng xuất giả làm lạc. Nếu lại song phi biệt giáo khổ lạc mới thành thật trung đạo. Rộng nêu như vậy, huống lại đơn phức đầy đủ cũng biến khắp các giáo. Như bốn giáo bốn môn, môn môn bốn môn, môn môn bốn Tất-đàn, trong mỗi Tất-đàn lại có bốn Tất-đàn, tức thành môn đều có đầy đủ. Cho nên, Biệt đầy đủ lại cần phải phi. Viên môn khởi kiến còn đọa vào câu nghĩa hữu, sao được lại thành phức mà đầy đủ... ư? Cho nên biết hoặc kiến, phi kiến hoặc môn hoặc cả thấy đều phải dùng pháp mới năng định câu, trong không dùng câu năng định pháp thể. Vì thế giải thích nghĩa không quán sát

dưới câu đó... pháp thể qui về đâu, làm sao năng biện câu pháp cạn sâu, làm sao năng hiểu được kinh này song phi! Nếu dùng pháp định tùy nêu một câu tức thành thật lý. “Không bằng...”: giải thích câu thứ năm nói “Không như tam giới”: Như là đồng, không đồng các người thấy nơi tam giới thuật Phật thấy. Phật ắt quyền thật hai trí đầy đủ, ắt không đồng hai thứ nhân sở kiến nhị biên nhân quả của Tam giới. “Không như hai thứ... tướng”: Chỉ là hai thứ tử và dùng Ngũ trụ. Nên biết tam giới danh thông, thông nội ngoại giới. Nếu ngoại giới lập danh tam giới, thì dùng ngoại chuẩn theo nội, lý trung đạo chưa cùng thông gọi là Kiến hoặc, thông tam giới. Năm trần tốt đẹp trong cõi biến dịch gọi là Dục giới tứ, bất tứ nghi pháp trần, gọi là Thượng giới tứ. Trong Tịnh Danh số dựa theo có nêu tướng kia.

Tiếp, “Chỉ Phật một người...”: là giải thích câu thứ sáu, Như đây trở xuống văn dưới. Đã tổng nói như đây, xét trước đã chiếu thông thành nhất kiến cho nên đều lập lại năm câu nói thật trước cùng nêu tướng quyền thật nhị trí. Cho nên Thật trí chỉ chiếu Thật cảnh, nay thêm Quyền trí tùy vật thấy quyền. Nói rõ “phi kiến mà kiến...”: Tức hai trí bất nhị, cho nên nói như chúng sinh kiến chỉ bày thân hai loại tử tùy ý người... Tiếp, văn trình bày tức câu đầu “Như thật tri kiến tướng tam giới” bên trên: Tuy như thật thấy cũng đối nơi chúng sinh thấy mà thấy, đầy đủ ngũ nhãn. “Như thật tri kiến...”: là trình bày câu “không có sinh tử” bên trên. Tiếp, “cũng không...”: là trình bày câu “cũng không tại thế” bên trên. Tiếp, “Không thật...”: là trình bày câu “phi thật” bên trên. Tiếp, “Không có ba đời...”: là trình bày câu “phi như” bên trên. Tiếp, “Đồng với...”: là trình bày câu “không như tam giới” bên trên. Đều dùng Như Lai nêu kiến (minh kiến) lấy làm Quyền trí, nhất nhất giải thích. “Như Lai...”: trình bày “không như tam giới” bên trên, trở xuống văn. Như Lai tuy tức tự như thật kiến, vật cơ không đồng chỗ thấy đều sai biệt, cho nên đức Phật cũng do tùy loại mà thấy thùy ứng.

“Vì các...”: nêu rõ trong cơ cảm. Đầu nêu rõ cơ tướng tức cơ Tứ Tất-đàn. “Muốn khiến...”: nêu ứng tướng để hợp bốn cơ, trong mỗi mỗi Tất-đàn năng sở đều đầy đủ, tự làm tứ biệt. Đã nói “chúng chúng”, cho nên đối tiệm đốn để giải thích. Do đó trong Huyền Văn giải thích mười môn trong mỗi một môn đầy đủ các giáo. Đây y Viên giáo để hiểu kinh mà thôi! Tánh tức Vị nhân: Đầu, chánh giải thích. Tiếp, giải thích nghi. Đầu, trong chánh giải thích phạm nói Vị nhân, các tạo tác ắt làm theo sinh thiện đời trước gieo trồng, thiện đời trước không đổi nay mới có thể sinh, cho nên tánh thuộc sinh thiện. Tiếp, “Huân tập dục...”: giải thích

nghi: Trước, lập nghi, giải thích nói...: Trong giải thích trước chánh giải thích. Tiếp, “Nêu ví như ba tánh dục...”: kết đồng. “Như nhân...”: nêu ước lệ: Như Đại kinh nói: Thiện nam tử hết thấy thân chúng sinh cùng phiền não đều không có trước sau, tuy không trước sau chủ yếu nhân phiền não mà được có thân, trọn không nhân thân mà có phiền não, tánh dục cũng như vậy. Tuy không có trước sau ắt nhân tập dục mới thành tánh. Kết đồng: Nay tuy tánh trước dục sau, cuối cùng cần phải có nghĩa dục ở trước, cho nên nói tập dục thành tánh. Thế giới gọi là dục đây căn cứ Thiền kinh, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một nói. Thiền kinh từ nhân cho nên nói “lạc dục”, Đại luận từ quả cho nên nói “thế giới”.

Tiếp, trong giải thích “Hành thiện”, sinh ác dục đều được gọi là “hành”, cho nên đối trong hành để phân hai Tất-đàn, rộng như Huyền Văn. Tổng quát hành khởi thiện đời trước, tri phá ác hiện tại... Tiếp, trong giải thích “Ưc tưởng”, lại chia làm bốn:

1) Nguyên do được gọi, nêu Đệ nhất nghĩa mà thông ban đầu, lại dùng tương tự giải khởi đối trị với thô hoặc chưa nhập chân đạo, tuệ gọi là tưởng.

2) “Chúng sinh tiêm đốn...”: nêu thứ lớp tứ Tất-đàn, do ba Tất cho nên có Đệ nhất nghĩa đến; đối nội ngoại phạm vị cũng được gọi là Đệ nhất nghĩa, chỉ tên tưởng tuệ phải ở nhân vị. Như trước năm phẩm tu hành năm hồi. Tiếp, nhập tùy hỷ còn được gọi là Đệ nhất nghĩa, hướng nhập vị nội phạm ư! Lại, Tùy hỷ trước thâu hoạch được chút định tâm cũng được gọi là nhập Đệ nhất nghĩa, hướng chi nhập sơ phẩm.

3) “Tùy theo...”: nêu duyên nhập chân.

4) “Cho đến...”: nêu ức tưởng thông về sau đến Kim Cang tâm.

Hỏi: Nên nói Sơ trụ vì sao nói Địa? Đáp: Từ tiêm đốn đến và lại nương ở vị Địa.

“Muốn khiến” đến “bấy nhiêu nhân duyên thí dụ”: Đây dùng trong chương năm đức Phật nói thiết lập quyền đều nói chửi chửi nhân duyên... đem trình bày văn này bản tích đều có hóa độ tiêm đốn. “Như vì biếng nhác...”: Nếu tiểu đối đại. Như Câu-xá luận giải thích trong Nhẫn vị. Đầu từ Hạ nhẫn quán, cho đến Thượng nhẫn còn lưu một hành tướng, nhập Thế Đệ nhất, chỉ lưu hai nghĩa hành không đồng, lợi (căn) gọi “kiến hành”, độn gọi “ái hành”. Người lợi lại có hai: Chấp ngã nhiều: Lưu hành vô ngã. Chấp ngã sở nhiều: lưu hành vô thường. Giải đãi nhiều: lưu khổ hạnh. Nay văn lại nêu hai người lưu Không hành Người độn có hai: Chấp ngã mạn độn. Lại các luận sư chấp các kiến giải

không đồng, không thể thuật đủ. Trong Thông giáo nói cũng như vậy là: Quán môn tuy khéo để quán mà thứ lớp không khác Tam tạng, nhưng căn cứ bốn môn, bốn Tất, hai Không, ba Giả cùng Tạng không đồng. Và lại, căn cứ đại đồng cũng gọi là chủng chủng. Biệt Viên trong độn tuy ba mươi hai và nhập bất nhị chủng chủng hành loại mà cũng đâu ngoài đều có bốn môn ư! “Không có hư ra” đến “hư xưa vì thật”, chữ vi là khứ thanh (vị) bảm thọ quyền ra khỏi giới gọi là vì hư ra, tam thừa đều xuất tam giới, nhân thiên đều xuất tam đồ, đều gọi “vì hư”. Như Lai vốn vì nhất Thật mà thiết lập Quyền, không có chút sai biệt mà đều nhập thật. Nương bốn chữ đây là “thường trụ bất diệt”. Kia đã bất diệt thì lợi ích đến vị lai. “Người xưa...”: trước nêu xưa chấp nói: Trước vượt qua hằng sa...: Sứ xưa thấy trong kinh có nói sở thành thọ mạng nghĩa là quả thọ, bèn chỉ văn trước nói vượt quá nơi trần giới, vì trước quá hằng sa, dùng phi hằng sa có thể năng dụ bèn dùng thế giới lấy làm dụ, đối nay chưa tận vì sau gấp bội số trên. Lại nữa, người xưa thấy nói lại gấp bội liền cho là có hạn, huống lại không biết là thật, nhân thọ mà nói thần thông. Trong kinh nói “phục (lại)”, người khác nói “hậu (sau)” tức chương số nói. Từ nay về sau lại gấp bội số trên, như vậy đều là thần thông diên thọ, ý nói nay tuy chưa tận ắt có khi tận. Kinh nêu nhân so sánh quả, nêu rõ bản hạnh Bồ-tát đạo, cảm được nhân thọ tự còn chưa tận hưởng chi quả thọ ư! Người xưa không hiểu phán định thuộc vô thường, cho nên biết vì nhân thọ bất tận, sánh ví như quả thọ bất tận, tức nêu nhân quả đều thường. Xưa giải thích ngược lại khiến nhân quả vô thường thế nào lại bỏ quả so sánh! Kia thấy năng so sánh nói có sở thành. Tiện làm quả so sánh. Nhưng trong kinh văn trước đã nêu quả sao nói lập lại. Nói “dù khiến”: Chỉ Sơ trụ vị đã phần đặc thường thọ, đâu có sơ trụ chân biến dịch thọ, ấy là đồng phân đoạn có vô thường ư! Nếu nói “tận”: Đâu phải tận ư! Sao gọi là phân thường, phân chỉ đối với Phật và địa sau. Căn cứ hành chứng văn tự nên biết. “Thí như...” nêu thái tử hưởng lộc lấy làm dụ, cũng là thí dụ nghĩa phân. Đối với cửa cải, người nói bất tận đó thôi! Chữ “Lệ”, nghĩa là huyền lệ, xoay đổi. Chữ “Huyền” là đáng đáp không thuận. Nghĩa là bỏ thường mà nhận lấy vô thường.

